

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023

I. Thông tin chung:

Sứ mệnh: Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh có sứ mệnh đào tạo những nhà chuyên môn về mỹ thuật như: họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà thiết kế, nhà sư phạm mỹ thuật, nhà lý luận và phê bình mỹ thuật có tri thức, có phẩm chất đạo đức, có khả năng sáng tác, thiết kế, nghiên cứu và giảng dạy, đáp ứng mọi hoạt động mỹ thuật do xã hội yêu cầu.

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mã trường: MTS

3. Địa chỉ trụ sở: Số 05 Phan Đăng Lưu, F3, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://www.hcmufa.edu.vn>.

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh)

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 028 38 426 010

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

- Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://hcmufa.edu.vn/news_detail/id/322

- Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm. Tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2021 là 98%.

STT	Nhóm ngành	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
1.	Khối ngành/ Nhóm ngành I	Đại học	25	24	05	100%
2.	Khối ngành II	Đại học	184	186	89	98%
3.	Khối ngành III					
4.	Khối ngành IV					
5.	Khối ngành V					

6.	Khối ngành VI					
7.	Khối ngành VII					
	Tổng		209	210	94	

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

- Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

http://hcmufa.edu.vn/news_detail/id/134

http://hcmufa.edu.vn/news_detail/id/237

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp với xét tuyển môn Ngữ văn.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

STT	Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/ tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2021 - 2022			Năm tuyển sinh 2022 - 2023		
			Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
1.	Khối ngành/ Nhóm ngành I							
	- Sư phạm mỹ thuật	<i>Thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp xét tuyển môn Ngữ văn</i>	25	12	16.00	25	24	19.50
2.	Khối ngành/ Nhóm ngành II							
	- Hội họa	<i>Thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp xét tuyển môn Ngữ văn</i>	40	41	16.50	40	39	19.50
	- Đồ họa	<i>Thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp xét tuyển môn Ngữ văn</i>	40	41	19.50	40	40	22.00
	- Điêu khắc	<i>Thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp xét tuyển môn Ngữ văn</i>	5	07	19.50	5	4	21.00

	- Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	<i>Thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp xét tuyển môn Ngữ văn</i>	5	06	17.25	5	5	19.00
	- Thiết kế đồ họa	<i>Thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp xét tuyển môn Ngữ văn</i>	94	110	21.50	94	101	20.00
	Tổng		209	217		209	213	

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

- Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hcmufa.edu.vn>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Hội họa	7210103	175/CT	29/9/1981	1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1981	2022
2.	Đồ họa	7210104	175/CT	29/9/1981	1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1981	2022
3.	Điêu khắc	7210105	175/CT	29/9/1981	1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1981	2022
4.	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	7210101	175/CT	29/9/1981	1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1982	2022
5.	Thiết kế đồ họa	7210403			1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1990	2022
6.	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	4271/GD-ĐT	19/12/1997	1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1998	2022
7.	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	8210101	5942/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	27/10/2003	1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1994	2022
8.	Mỹ thuật tạo hình	8210102	5942/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	27/10/2003	1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1994	2022
9.	Mỹ thuật ứng dụng	8210410	498/QĐ-BGDĐT	16/02/2022	498/QĐ-BGDĐT	16/02/2022	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2022	2022
10.	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	9210101	470/QĐ-BGDĐT	11/02/2015	470/QĐ-BGDĐT	11/02/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015	2022

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022:

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I.	Chính quy								
1	Sau đại học								
1.1	Tiến sĩ								
1.1.1	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật		26						26
1.2	Thạc sĩ								
1.2.1	Mỹ thuật tạo hình		53						53
1.2.2	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật		20						20
1.2.3	Mỹ thuật ứng dụng		11						11
2	Đại học								
2.1	Chính quy								
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên								
2.1.1.1	Sư phạm mỹ thuật	64							64
2.1.1.2	Hội họa		164						164

2.1.1.3	Đồ họa		149						1149
2.1.1.4	Điều khắc		16						16
2.1.1.5	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật		14						14
2.1.1.6	Thiết kế đồ họa		451						451
2.1.2	Các ngành đào tạo ưu tiên								
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH								
2.3	Liên thông từ CĐ lên ĐH								
2.4	Đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng ĐH trở lên								
3	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non								
II.	Vừa làm vừa học								
1	Đại học								
1.1	Vừa làm vừa học								
1.1.1	Thiết kế đồ họa		190						190
1.2	Liên thông từ TC lên ĐH								
1.3	Liên thông từ CĐ lên ĐH								
1.4	Đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng ĐH								
2	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non								
2.1	Vừa làm vừa học								

2.2	Liên thông từ TC lên CĐ								
2.3	Đào tạo trình độ CĐ đối với người đã có bằng CĐ								

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 5.851,9 m²

- Diện tích sàn xây dựng ký túc xá: 1.346,9 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 48 phòng (mỗi phòng 4 sinh viên).

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy: 11.627 m²

STT	Loại phòng	Số lượng	Tổng diện tích (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0	
1.2.	Phòng học từ 100-200 chỗ	08	1.150
1.3.	Phòng học từ 50-100 chỗ	09	756
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	55	4.155
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	12	802
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	07	413
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	01	300

3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	03	403
	Tổng	95	6.944

2.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

STT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Xưởng Điều khắc chất liệu: Máy điều khắc gỗ CNC 3D, Máy cưa xích công suất 4.9KW, Máy cưa xích 740W, Máy chà nhám rung cầm tay loại chữ nhật, Máy đánh bóng cầm tay, Máy nén khí, Xe cầu tự hành 7 tấn, Cầu trục dây tay 15 tấn, máy cắt đá cầm tay chạy điện, máy cắt đá cầm tay chạy điện, Máy mài đá chi tiết đa năng, Máy khoa đá cầm tay chạy điện, Búa đục đá sử dụng khí nén, Máy mài đầu trụ khí nén, máy nén khí, Thiết bị phụ trợ máy nén, Bộ máy hàn chuyên dụng, Lò nung gốm sử dụng điện, Bộ máy tính thiết kế, máy hút bụi công nghiệp, SWITCH 24 PORT. - Hệ thống Audio + Hệ thống Camera và phụ kiện: Silid – State Memory Camcorder with Three 1/3 – inch – type Full –HD Exmor tm, SxS-1 Memory Card, SxS Memory Card, SxS Memory USD Reader/Writer, Li-Ion Battery Pack, Monaural Microphone, Solt carryinh case, Túi che mưa cho camera, Chân máy quay-Tripod, Chân máy quay-Tripod, Điều khiển ống kính, Dây nối dài cho điều khiển, Đèn led cho camera, Phụ kiện cho camera (khung đặt mát quay lên vai, Khung tay cầm, Chống rung, Bảng phân cảnh, dù xuyên trắng, Dù phản đen bạc, Tấm phản quang). + Hệ thống Video: Multiformat Compact Switcher, LCD cho hiển thị multiview 40 inch, Màn hình, Đầu ghi phát (dùng thẻ nhớ cùng loại với Camera), SxS-1 Memory Card, Bộ Phân phối tín hiệu, Bộ chuyển đổi tín hiệu SDI-HDMI, Bộ dựng hình (máy tính dựng hình, làm hậu kỳ; Phần mềm dựng hình; Màn hình cho máy tính dựng >20; Card capture cho máy tính + Hệ thống thiết bị phòng thu âm: Audio Mixer, Bộ xử lý âm thanh kỹ thuật số, Bộ chia âm thanh, Máy thu âm, Micro thu âm, Chân đế bàn cho micro thu âm, Micro thu âm không dây cài áo (Micro loại cài áo, Bộ phát đeo lưng, Bộ thu Dual, Loa kiểm tra, Tai nghe phòng thu). + Hệ thống liên lạc: Wired Intercon/Tally System for 5 Camera + Hệ thống cần cầu, trượt, ray: * Hệ thống cần cầu: Cần cầu cho camera, Balance weight, đường ray cho cần cầu Camera. * Hệ thống bàn trượt: Bàn trượt đặt hệ thống camera và chân, Đường ray cho bàn trượt ở trên.

		<p>* Khung quay vòng cung đặt máy quay để lia.</p> <p>- Hệ thống đèn và trang âm</p> <p>+ Hệ thống đèn: Đèn tụ công nghệ LED 80W, Đèn tỏa chiếu phong LED 120W RGBW, Đèn ánh sáng trắng công nghệ LED 200W, Bộ đèn thu ngoại cảnh, Tay treo đèn kiểu lò xo, Bộ chia tín hiệu DMX 1 In 6 Out, Hệ thống điều khiển DMX, Phụ kiện điều khiển.</p> <p>+ Hệ thống phong: Khung treo phong, Phong Choromakey, Phong màn Background, Khung dầm treo đèn, Tủ điện, cáp nguồn cho hệ thống, CB, Bàn đặt thiết bị và phụ kiện lắp đặt hệ thống</p> <p>+ Hệ thống trang âm: Tấm trần cách âm, Tấm tường phản âm và tấm tường tiêu âm, Tấm chân tường cách âm, Trãi thảm sàn cho phòng, cửa đi cho phòng control, Cửa đi cho phòng thu âm, 2 lớp, Vách kính cho phòng control, Vách kính cho phòng thu âm, vật tư phụ.</p>
2	Xưởng sơn mài	<p>+ Hệ thống mài : 60m²</p> <p>+ Phòng ủ: 60m²</p> <p>+ Phòng kỹ thuật chất liệu: 60m²</p>

2.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện:

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành/ Nhóm ngành I	
2	Nhóm ngành II	<p>- Sách: 13565 đầu sách / 17509 bản sách</p> <p>- Tạp chí: 12016 bài</p> <p>- Hình ảnh: 51.721 ảnh</p> <p>- Khóa luận/Luận văn: 3729 bản</p>

3. Danh sách giảng viên

3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành
1	Đoàn Minh Ngọc	Nam		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7140222	SPMT
2	Lê Thị Ngọc Mai	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7140222	SPMT
3	Lưu Tiến Khuynh	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7140222	SPMT
4	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý hành chính công	x	7140222	SPMT
5	Ngô Việt Hùng	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7140222	SPMT
6	Nguyễn Hoàng Yến	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	x	7210101	SPMT
7	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7140222	SPMT
8	Phạm Xuân Bách	Nam		Đại học	Hội họa		7140222	SPMT
9	Nguyễn Văn Bùng	Nam		Thạc sĩ	Triết học	x	7140222	SPMT
10	Nguyễn Xuân Bình	Nam		Đại học	Điêu khắc		7140222	SPMT
11	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210104	Đồ họa
12	Trần Thanh Trúc	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210104	Đồ họa
13	Đặng Minh Thành	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210104	Đồ họa
14	Lê Phi Hùng	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210104	Đồ họa
15	Nguyễn Duy Du	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210104	Đồ họa
16	Nguyễn Hoàng Xuân Hương	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý	x	7210104	Đồ họa
17	Nguyễn Ngọc Vinh	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210104	Đồ họa
18	Lê Thị Quế Châu	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Đồ họa
19	Nguyễn Quyết Định	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7140222	Đồ họa

20	Phạm Thị Yến	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	x	7210104	Đồ họa
21	Nguyễn Minh Quang	Nam		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210105	Điều khắc
22	Trần Tuấn Nghĩa	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210105	Điều khắc
23	Lê Văn Duẩn	Nam		Thạc sĩ	Triết học	x	7210105	Điều khắc
24	Nguyễn Đoàn Duy	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210105	Điều khắc
25	Mai Anh Dũng	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210105	Điều khắc
26	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý hành chính	x	7210105	Điều khắc
27	Nguyễn Hồng Dương	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210105	Điều khắc
28	Phạm Đình Tiến	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210105	Điều khắc
29	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa		7210405	Điều khắc
30	Hà Việt Hùng	Nam		Thạc sĩ	Kiến trúc		7210105	Điều khắc
31	Nguyễn Văn Minh	Nam	PGS	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210103	Hội họa
32	Lâm Chí Trung	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Hội họa
33	Nguyễn Quang Cảnh	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Hội họa
34	Nguyễn Quang Vinh	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Hội họa
35	Nguyễn Thị Nếp	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Hội họa
36	Mạc Hoàng Thượng	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Hội họa
37	Nguyễn Dũng An Hòa	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Hội họa
38	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Hội họa
39	Đặng Minh Thế	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Hội họa
40	Nguyễn Thị Hoàng Minh	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Hội họa
41	Huỳnh Thanh Trang	Nữ		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	x	7210101	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật
42	Đặng Long Can	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	x	7210101	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật

43	Trần Kim Chi	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	x	7210101	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật
44	Hoàng Khánh Ly	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	x	7210101	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật
45	Lê Bá Thanh	Nam		Thạc sĩ	Mỹ học	x	7210101	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật
46	Trần Thị Hải	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x	7210101	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật
47	Nguyễn Minh Đạt	Nam		Thạc sĩ	Quản lý văn hóa	x	7210101	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật
48	Nguyễn Thị Thái Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	x	7210101	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật
49	Nguyễn Văn Thấy	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x	7210101	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật
50	Trương Văn Đức	Nam		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	x	7210403	Lý luận lịch sử & phê bình mỹ thuật
51	Cung Dương Hằng	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa
52	Trần Quốc Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa
53	Bạch Huyền Linh	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa
54	Lê Bất Thăng	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa
55	Bùi Hải Châu	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa
56	Đỗ Thị Khang Thành	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa
57	Đỗ Trần Ngọc Anh	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa

58	Đỗ Văn Dũng	Nam		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa
59	Mai Xuân Hưng	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa
60	Lê Hoàng Nam	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa
61	Lê Phương Thảo	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa
62	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210104	Thiết kế đồ họa
63	Phạm Như Linh	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa
64	Phạm Thụy Ngọc Hà	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa
65	Phan An	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa
66	Phan Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa
67	Vũ Thủy Vân	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa
	Tổng số giảng viên toàn trường							

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non:

1.	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
2.	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7140222	Sư phạm MT		
3.	Tô Văn Đạt	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
4.	Đoàn Minh Thời	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
5.	Nguyễn Đỗ Quyên	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
6.	Phan Vũ Linh	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
7.	Nguyễn Vũ Lâm	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210104	Đồ họa		
8.	Huỳnh Phương Thị Đài Trang	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210104	Đồ họa		
9.	Đào Trọng Việt	Nam		Thạc sĩ	Nghệ thuật tạo hình		7210104	Đồ họa		
10.	Lê Đan	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		

11.	Đặng Văn Long	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
12.	Lê Minh Thành	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
13.	Hồ Văn Trường	Nam		Tiến sĩ	Văn hóa học	x	7210101	Lý Luận LS & Phê bình MT		
14.	Hoàng Lan Anh	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210104	Đồ họa		
15.	Kim Jung Hyun	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210103	Hội họa		
16.	Lê Tường Thanh	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
17.	Nguyễn Ngọc My Hà	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210105	Điêu khắc		
18.	Nguyễn Thị Bảo Khanh	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
19.	Vũ Đăng Rung	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
20.	Nguyễn Thị Bạch Yến	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
21.	Hoàng Thị Trà My	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa		
22.	Huỳnh Lê Chung	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa		7210403	Thiết kế đồ họa		
23.	Nguyễn Chí Bảo	Nam		Đại học	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
24.	Lê Thị Bích Loan	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa		
25.	Nguyễn Đức Sơn	Nam		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa		
26.	Hồ Văn Doãn	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa		
27.	Nguyễn Công Trí	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
28.	Nguyễn Tấn Phát Anh	Nam		Đại học	Thiết kế đồ họa		7210403	Thiết kế đồ họa		

29.	Nguyễn Trung Hiếu	Nam		Thạc sĩ	Lý luận phê bình điện ảnh truyền hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
30.	Nguyễn Trung Khánh	Nam		Đại học	Kinh tế		7210403	Thiết kế đồ họa		
31.	Phạm Quốc Ân	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
32.	Trần Duy Điền Sơn Trân	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa		
33.	Lý Anh Tâm	Nam		Thạc sĩ	Lý luận, và phê bình điện ảnh, truyền hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
34.	Trần Thanh Mau	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam Học		7210403	Thiết kế đồ họa		
35.	Đào Thị Nguyệt	Nữ		Thạc sĩ	Luật	x				
36.	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	x				
37.	Nguyễn Thị Quế	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				
38.	Nguyễn Hoàng Ánh	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210105	Điêu khắc		
39.	Bạch Thanh Việt	Nam		Đại học	Điêu khắc		7210105	Điêu khắc		
40.	Nguyễn Tân	Nam		Đại học	Điêu khắc		7210105	Điêu khắc		
41.	La Hoàng Bảo Hiệp	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		7210403	Thiết kế đồ họa		
42.	Phạm Quang Ngọc	Nam		Đại học	Điêu khắc		7210105	Điêu khắc		
43.	Vũ Văn Hợp	Nam		Đại học	Điêu khắc		7210105	Điêu khắc		
44.	Đỗ Thế Thịnh	Nam		Đại học	Điêu khắc		7210105	Điêu khắc		
45.	Trần Dũng	Nam		Tiến sĩ	Nhân học	x				
46.	Phạm Đình Huân	Nam		Tiến sĩ	Triết học	x				

47.	Đặng Đôn Lai	Nam		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	x			
48.	Vũ Kim Ngọc	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học	x			
49.	Lê Thúy Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x			
50.	Lâm Quang Thùy Nhiên	Nữ		Tiến sĩ	Khảo cổ học		7210101	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	
51.	Lê Tổng Ngọc Anh	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		7210101	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	
52.	Nguyễn Xuân Tiên	Nam	GS	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		8210102	Mỹ thuật tạo hình	
53.	Mã Thanh Cao	Nữ		Tiến sĩ	Văn hóa học		8210102	Mỹ thuật tạo hình	
54.	Nguyễn Đông Triều	Nam		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		7210101	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	
55.	Vũ Quý Tùng Anh	Nam		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam		7210101	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	
56.	Võ Thị Thu Thủy	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	
57.	Nguyễn Chí Bền	Nam	GS	Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	
58.	Trương Quốc Bình	Nam	GS	Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	

59.	Bùi Hoài Sơn	Nam	PGS	Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
60.	Bùi Thị Thanh Mai	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
61.	Phạm Lan Oanh	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
62.	Huỳnh Quốc Thắng	Nam	PGS	Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
63.	Phạm Hữu Công	Nam		Tiến sĩ	Khảo cổ học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
64.	Phan Quốc Anh	Nam		Tiến sĩ	Sử học		8210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
65.	Phan Thành Bình	Nam	PGS	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nghệ thuật		7210403	Thiết kế đồ họa		
66.	Trần Đình Hằng	Nam	PGS	Tiến sĩ	Văn hóa học		8210102	Mỹ thuật tạo hình		
67.	Trần Yến Chi	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử nghệ thuật		8210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
68.	Ngô Văn Doanh	Nam	PGS	Tiến sĩ	Lịch sử nghệ thuật		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
69.	Nguyễn Lan Hương	Nữ		Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
70.	Trần Văn Ánh	Nam		Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
71.	Đình Hồng Hải	Nam	PGS	Tiến sĩ	Nhân học		9210101	Lý luận và lịch		

								sử mỹ thuật		
72.	Nguyễn Xuân Hồng	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
73.	Lê Thị Kiều Vân	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		8210102	Mỹ thuật tạo hình		
74.	Trang Thanh Hiền	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
75.	Trương Thu Trang	Nữ		Tiến sĩ	Văn hóa học		8210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
76.	Lê Thị Như Anh	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		8210102	Mỹ thuật tạo hình		
77.	Vũ Thị Ngọc Lan	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		8210102	Mỹ thuật tạo hình		
78.	Ngô Minh Hùng	Nam		Tiến sĩ	Văn hóa học		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
79.	Đỗ Lệnh Hùng Tú	Nam	PGS	Tiến sĩ	Nghệ thuật		8210102	Mỹ thuật tạo hình		
80.	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ		Tiến sĩ	Văn hóa dân gian		9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		
81.	Trần Thị Biền	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Lý luận và Lịch sử mỹ thuật		8210102	Mỹ thuật tạo hình		
82.	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Quản lý văn hóa		8210102	Mỹ thuật tạo hình		
	Tổng số giảng viên toàn trường									

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hcmufa.edu.vn>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo (1) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hcmufa.edu.vn>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hcmufa.edu.vn>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hcmufa.edu.vn>

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non):

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đăng ký thi vào Trường là những người có năng khiếu về Mỹ thuật và có đủ các điều kiện dự thi theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Thi tuyển các môn năng khiếu kết hợp với xét tuyển môn Ngữ văn.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo:

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

1	Đại học	7210103	Hội hoạ		Thi tuyển kết hợp xét tuyển	40									
2	Đại học	7210104	Đồ hoạ		Thi tuyển kết hợp xét tuyển	40									
3	Đại học	7210105	Điều khắc		Thi tuyển kết hợp xét tuyển	05									
4	Đại học	7210101	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật		Thi tuyển kết hợp xét tuyển	05									
5	Đại học	7210403	Thiết kế đồ hoạ		Thi tuyển kết hợp xét tuyển	124									
6	Đại học	7140222	Sư phạm Mỹ thuật		Thi tuyển kết hợp xét tuyển	25									
7	Thạc sĩ	8210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thi tuyển tại trường	05									
8	Thạc sĩ	8210102	Mỹ thuật tạo hình		Thi tuyển tại trường	10									
9	Thạc sĩ	8210410	Mỹ thuật ứng dụng		Thi tuyển tại trường	10									
10	Tiến sĩ	9210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Xét tuyển tại trường	05									

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Thí sinh dự thi các môn năng khiếu do Nhà trường tổ chức và xét tuyển môn Ngữ văn có điểm từ 5 trở lên, Nhà trường sẽ đưa vào danh sách xét tuyển chính thức. Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh trường sẽ công bố kết quả trúng tuyển từng ngành đào tạo theo thứ tự điểm thi chuyên môn từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu và đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo. Cụ thể ngưỡng điểm tối thiểu của từng môn như sau:

- *Quy định về ngưỡng điểm thi chuyên môn:* Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 5 điểm trở lên đối với mỗi môn thi (chưa nhân hệ số đối với môn Hình họa và môn Tượng tròn). Thí sinh có điểm thi chuyên môn dưới 5 điểm xem như không trúng tuyển.

- *Quy định cụ thể về việc xét tuyển môn Ngữ văn:* Môn Ngữ văn là môn điều kiện để xét tuyển, thí sinh chỉ được xét tuyển môn Ngữ văn khi đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông. Trường thực hiện theo 01 trong 03 phương án sau:

+ Xét tuyển môn Ngữ văn được căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Ngữ văn của kỳ thi Trung học phổ thông do Bộ giáo dục và Đào tạo tổ chức thí sinh đạt từ 5 điểm trở lên.

+ Xét tuyển học bạ đối với môn Ngữ văn lớp 10, 11, học kỳ I lớp 12, Trung học phổ thông đối với thí sinh có học lực môn Ngữ văn từ 5 điểm trở lên (trung bình cộng 5 học kỳ).

+ Thí sinh được xét điểm trung bình cộng môn Ngữ văn các năm học 10, 11, học kỳ I lớp 12 cho các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề không tổ chức thi tốt nghiệp môn Ngữ văn có học lực môn ngữ văn từ 5 điểm trở lên (trung bình cộng 5 học kỳ).

+ Thí sinh là người Việt Nam học Trung học phổ thông ở nước ngoài thì xét tuyển Ngữ văn được thay thế bằng môn Lịch sử nghệ thuật.

** Riêng thí sinh thi ngành Sư phạm Mỹ thuật phải đảm bảo các yêu cầu theo quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Mã Trường: MTS

- Mã ngành:

Hệ Đại học đào tạo 5 năm			
Ngành đào tạo	Mã ngành	Năm bắt đầu đào tạo	Quyết định cho phép đào tạo
1. Hội họa	7210103	1981	5819/QĐ-BGDĐT
2. Đồ họa	7210104	1981	5819/QĐ-BGDĐT
3. Điêu khắc	7210105	1981	5819/QĐ-BGDĐT
Hệ Đại học đào tạo 4 năm			
Ngành đào tạo	Mã ngành	Năm bắt đầu đào tạo	Quyết định cho phép đào tạo
1. Sư phạm Mỹ thuật	7140222	1997	5819/QĐ-BGDĐT
2. Thiết kế đồ họa	7210403	1990	3075/QĐ-BGDĐT
3. Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	7210101	1981	5819/QĐ-BGDĐT

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển:

- Thời gian thi:

Năm 2023 Nhà trường tổ chức một kỳ thi tuyển sinh đại học trong khoảng thời gian từ ngày **05/07/2023** đến **08/07/2023** cho các thí sinh thi vào các ngành Hội họa, Đồ họa, Thiết kế đồ họa, Điêu khắc, Sư phạm mỹ thuật, Lý luận lịch sử và phê bình mỹ thuật.

- Môn thi:

* Quy định chung:

STT	Tên ngành	Khối thi	Môn xét tuyển	Môn thi tuyển
1	Hội họa	H	Ngữ văn	- Hình họa, - Bố cục tranh màu
2	Đồ họa	H	Ngữ văn	- Hình họa, - Bố cục tranh màu
3	Điêu khắc	H	Ngữ văn	- Tượng tròn,

				- Bố cục chạm nổi
4	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	H	Ngữ văn	- Hình hoạ, - Bố cục tranh màu
5	Thiết kế đồ họa	H	Ngữ văn	- Hình hoạ, - Trang trí
6	Su phạm mỹ thuật	H	Ngữ văn	- Hình hoạ, - Bố cục tranh màu

** Quy định cụ thể các môn thi năng khiếu các ngành đào tạo*

STT	Tên ngành	Môn thi
1	Hội hoạ	<input type="checkbox"/> Hình hoạ (hệ số 2): vẽ người toàn thân, thời gian 2 buổi sáng (8 tiết) <input type="checkbox"/> Bố cục (hệ số 1): tranh màu, thời gian 5 giờ
2	Đồ hoạ	<input type="checkbox"/> Hình hoạ (hệ số 2): vẽ người toàn thân, thời gian 2 buổi sáng (8 tiết) <input type="checkbox"/> Bố cục (hệ số 1): tranh màu, thời gian 5 giờ
3	Lý luận, lịch sử & phê bình mỹ thuật	<input type="checkbox"/> Hình hoạ (hệ số 2): vẽ đầu tượng, thời gian 1 buổi sáng (5 tiết) <input type="checkbox"/> Bố cục (hệ số 1): tranh màu, thời gian 5 giờ
4	Điêu khắc	<input type="checkbox"/> Tượng tròn (hệ số 2): thời gian 2 buổi sáng và 1 buổi chiều (12 tiết) <input type="checkbox"/> Bố cục (hệ số 1): chạm nổi, thời gian 5 giờ
5	Thiết kế đồ họa	<input type="checkbox"/> Hình hoạ (hệ số 2): vẽ chân dung người, thời gian 1 buổi sáng (5 tiết) <input type="checkbox"/> Trang trí (hệ số 1): thời gian 5 giờ
6	Su phạm mỹ thuật	<input type="checkbox"/> Hình hoạ (hệ số 2): vẽ chân dung người, thời gian 1 buổi sáng (5 tiết) <input type="checkbox"/> Bố cục (hệ số 1): tranh màu, thời gian 5 giờ

- Địa điểm và phương thức thi: Thi trực tiếp tại Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Số 5 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Q.Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Lưu ý: Trong trường hợp phát sinh những vấn đề khách quan như dịch bệnh, Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh sẽ xem xét điều chỉnh một số nội dung ở mục này. Thông tin điều chỉnh sẽ được thông báo trên trang web của nhà trường.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

- Xét tuyển thẳng: Do đặc thù chuyên môn, nhà trường không tuyển thẳng đối với thí sinh tốt nghiệp phổ thông trung học.

- Ưu tiên xét tuyển: Theo quy chế ưu tiên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển: Lệ phí thi hai môn năng khiếu và nộp hồ sơ là 500.000 đồng/hồ sơ/thí sinh.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh đợt chính thức: Từ ngày 05/07/2023 đến 08/07/2023.

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh không tuyển sinh bổ sung đợt 1. Tuy nhiên trong trường hợp phát sinh những vấn đề khách quan như dịch bệnh, Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh sẽ xem xét tổ chức thi bổ sung trong tháng 8 năm 2023. Thời gian cụ thể sẽ được thông báo trên cổng thông tin điện tử của Trường.

- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Không.

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Thực hiện theo quy định hiện hành.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 41.803.971.781 đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 38.387.485.565 đồng.

1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

III. Tuyển sinh liên thông từ cao đẳng lên đại học.

Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh tuyển sinh liên thông từ cao đẳng lên đại học ngành Thiết kế đồ họa đối với thí sinh đã tốt nghiệp ngành Thiết kế đồ họa trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai.

- Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Thí sinh đăng ký dự thi liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Thiết kế đồ họa nộp hồ sơ như thí sinh tự do.

- Thời gian thi tuyển: **Từ ngày 05/07/2023 đến 08/07/2023.**

Chi tiêu tuyển sinh: Chi tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đại học	7210403	Thiết kế đồ họa		Thi tuyển kết hợp xét tuyển	20	1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1990

IV. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://hcmufa.edu.vn>



1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đăng ký thi vào Trường là những người có năng khiếu về Mỹ thuật và có đủ các điều kiện dự thi theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Thí sinh đăng ký dự thi đại học chính quy năm 2023 Ngành thiết kế đồ họa, Hội họa, Đồ họa, Sư phạm mỹ thuật có điểm thi không trúng tuyển vào đại học chính quy, có đơn xin xét tuyển nguyện vọng vào hình thức đào tạo VLVH sẽ được Hội đồng xét tuyển xem xét trúng tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đại học	7210403	Thiết kế đồ họa		Xét tuyển	70	1154/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1990
2	Đại học	7210103	Hội họa		Xét tuyển	20	5819/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1981
3	Đại học	7210104	Đồ họa		Xét tuyển	20	5819/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1981
4	Đại học	7140222	Sư phạm mỹ thuật		Xét tuyển	12	5819/QĐ-BGDĐT	26/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1997

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Thí sinh dự thi các môn năng khiếu do Nhà trường tổ chức và xét tuyển môn Ngữ văn có điểm từ 5 trở lên. Có đơn đăng ký nguyện vọng dự tuyển ngành thiết kế đồ họa - hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Nhà trường sẽ đưa vào danh sách xét tuyển chính thức. Căn cứ vào kết quả điểm xét tuyển, Hội đồng xét tuyển trường sẽ công bố kết quả trúng tuyển theo thứ tự điểm thi chuyên môn từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu và đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo. Cụ thể ngưỡng điểm tối thiểu của từng môn như sau:

- *Quy định về ngưỡng điểm thi chuyên môn:* Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 5 điểm trở lên đối với mỗi môn thi, (*chưa nhân hệ số đối với môn hình họa và môn Tượng tròn*). Thí sinh có điểm thi chuyên môn dưới 5 điểm xem như không trúng tuyển.

- *Quy định cụ thể về việc xét tuyển môn Ngữ văn:* Môn Ngữ văn là môn điều kiện để xét tuyển, Thí sinh chỉ được xét tuyển môn ngữ văn khi đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông. Trường thực hiện theo 01 trong 03 phương án sau:

+ Xét tuyển môn Ngữ văn được căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Ngữ văn của Kỳ thi Trung học phổ thông do Bộ giáo dục và Đào tạo tổ chức thí sinh đạt từ 5 điểm trở lên.

+ Xét tuyển học bạ đối với môn Ngữ văn lớp 10,11, Học kỳ I lớp 12, Trung học phổ thông đối với thí sinh có học lực môn ngữ văn từ 5 điểm trở lên (trung bình cộng 5 học kỳ).

+ Thí sinh được xét điểm trung bình cộng môn ngữ văn các năm học 10, 11, Học kỳ I lớp 12 cho các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề không tổ chức thi tốt nghiệp môn ngữ văn có học lực môn ngữ văn từ 5 điểm trở lên (trung bình cộng 5 học kỳ).

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Mã Trường: MTS

- Mã ngành: 7210403

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian nhận đơn đăng ký nguyện vọng dự tuyển ngành thiết kế đồ họa, Hội họa, Đồ họa, Sư phạm mỹ thuật - hình thức đào tạo vừa làm vừa học trong khoảng thời gian từ **06/7/2023 đến 21/07/2023**.

- Địa điểm nhận đơn đăng ký nguyện vọng dự tuyển ngành thiết kế đồ họa - hình thức đào tạo vừa làm vừa học: Phòng đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế



Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, số 05 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Bình Thạnh.

1.8. Chính sách ưu tiên: Không.

1.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển: **250.000 đồng/ Thí sinh.**

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh thu học phí căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và Nghị quyết 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có) là 10%.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Tuyển sinh đợt chính thức: **05/07/2023 đến 08/07/2023.**

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh không tuyển sinh bổ sung đợt 1. Tuy nhiên trong trường hợp phát sinh những vấn đề khách quan như dịch bệnh, Trường Đại học Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh sẽ xem xét tổ chức thi bổ sung trong tháng 8 năm 2023. Thời gian cụ thể sẽ được thông báo trên cổng thông tin điện tử của Trường.

- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Không

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Thực hiện theo quy định hiện hành.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Văn Minh